TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **438**/2026/DS-PT
Ngày: 15 - 5 - 2026
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 301/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 938/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1978.

Số CCCD: 082078025581. Cấp ngày: 29/6/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số D L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Số D L, phường T, tỉnh Đồng Tháp)

Người đại diện uỷ quyền: Chị Lê Thụy Cẩm T, sinh năm: 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Số F, khu phố H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền 06/3/2025 được Văn phòng C1 chứng nhận).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Hữu K, sinh năm: 1976 (có mặt).

Số CCCD: 083076022371. Cấp ngày: 09/11/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số C T, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Số C T, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp)

2.2. Bà Lê Thị Huỳnh C, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Số CCCD: 082180013002. Cấp ngày: 09/5/2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số C T, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Số C T, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp)

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Hữu K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Lê Minh H và người đại diện ủy quyền là chị Lê Thụy Cẩm T cùng trình bày:

Ông Lê Minh H có cho vợ chồng ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C vay tổng cộng số tiền 3.992.000.000 đồng, các lần vay cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 25/4/2024 vay số tiền 250.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 28/6/2024 vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 01/12/2024, vay số tiền 2.200.000.000 đồng

Lần thứ tư: Ngày 01/12/2024, vay số tiền 542.000.000 đồng.

Các lần vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay các lần vay trên thỏa thuận miệng là đến ngày 31/02/2025 sẽ thanh toán, mục đích vay để vợ chồng ông K, bà C kinh doanh.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay trên, vợ chồng ông K, bà C né tránh không thanh toán nợ vốn và lãi như thỏa thuận với lý do làm ăn thua lỗ. Ông H nhiều lần yêu cầu ông K, bà C thanh toán nợ nhưng ông K, bà C né tránh không trả nợ.

Tại đơn khởi kiện ông Lê Minh H yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C liên đới trả số tiền vốn 3.992.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Lê Minh H rút lại phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông K, bà C trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/6/2024. Ông Lê Minh H yêu cầu buộc ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C liên đới trả số tiền vốn 2.992.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%tháng tính từ ngày 01/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2025) là 149.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 3.141.000.000 đồng. Yêu cầu trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu K trình bày:

Để phục vụ kinh doanh ông có vay tiền của ông Lê Minh H 3 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi 6%/tháng, trả lãi hàng tháng.

Lần thứ hai: vay số tiền 1.800.000.000 đồng, lãi 0,5%/ngày, trả lãi hàng tuần

Lần thứ ba: vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi 0,5%/ngày, trả lãi hàng tuần

Do tình hình kinh doanh gặp khó khăn đến ngày 10/8/2024 ông chậm trả tiền cho ông H. Ngày 01/12/2024 ông H yêu cầu ông viết lại các giấy biên nhận, tính tiền lãi còn nợ và viết thành biên nhận mới như sau:

Biên nhận 1: biên nhận ngày 25/4/2024 số tiền 250.000.000 đồng, giữ nguyên lãi 6%/tháng; ông, bà C và ông H có ký tên vào biên nhận.

Biên nhận 2: số tiền 1.800.000.000 đồng và 400.000.000 đồng gộp lại thành biên nhận ngày 01/12/2024 số tiền 2.200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, ông, bà C và ông H có ký tên vào biên nhận

Biên nhận 3: tiền lãi các khoản vay tính đến ngày 30/11/2024 viết thành biên nhận ngày 01/12/2024 số tiền 542.000.000 đồng; ông, bà C và ông H có ký tên vào biên nhận.

Nay ông và bà Lê Thị Huỳnh C đồng ý liên đới trả số tiền của khoản vay theo biên nhận ngày 25/4/2024 số tiền 250.000.000 đồng và khoản vay 2.200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/12/2024, tổng cộng là 2.450.000.000 đồng; đối với biên nhận ngày 01/12/2024 số tiền 542.000.000 đồng là tiền lãi của các khoản vay nêu trên, nên ông không đồng ý trả số tiền 542.000.000 đồng này, mà yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật; ông đồng ý trả tiền bắt đầu từ ngày 30/9/2028.

Bị đơn là bà Lê Thị Huỳnh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, các tài liệu chứng cứ do ông Lê Minh H cung cấp, Thông báo kết quả công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên bà C không cung cấp ý kiến cho Tòa án và không tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và không tham dự phiên tòa.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 301/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ các Điều 227, 228 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 357, 463, 466, , 468, 470 của Bộ luật dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H yêu cầu buộc ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/6/2024.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H.

Buộc ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C liên đới trả số tiền 2.849.230.000 đồng (Hai tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) cho ông Lê Minh H. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông Huỳnh Hữu K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét theo hướng cho ông được trả tiền vốn và lãi phát sinh sau 03 năm kể từ ngày 30/9/2025, tính lãi của khoản vay 250.000.000 đồng sau khi trừ các khoản tiền ông K đã trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự, nghe quan điểm của kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 Bộ luật Dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu K đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu K yêu cầu cho ông được trả tiền vốn và lãi phát sinh sau 03 năm kể từ ngày 30/9/2025, tính lãi của khoản vay 250.000.000 đồng sau khi trừ các khoản tiền ông K đã trả, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn ông Lê Minh H yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C liên đới trả số tiền vốn 3.992.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông H cung cấp các biên nhận vay tiền gồm: Biên nhận ngày 25/4/2024 số tiền 250.000.000 đồng; Biên nhận ngày 28/6/2024 số tiền 1.000.000.000 đồng; 02 biên nhận cùng ngày 01/12/2024 số tiền 2.200.000.000 đồng và số tiền lãi 542.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông K, bà C trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/6/2024 nên cấp sơ thẩm Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H đối

với số tiền 1.000.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 28/6/2024 là đúng quy định pháp luật.

[3.2] Bị đơn ông K, bà C thừa nhận có ký tên vào các Biên nhận nợ ngày 25/4/2024 số tiền 250.000.000 đồng và Biên nhận nợ ngày 01/12/2024 số tiền 2.200.000.000 đồng và số tiền lãi 542.000.000 đồng; Nhưng chỉ đồng ý liên đới trả cho nguyên đơn hai khoản vay theo Biên nhận nợ ngày 25/4/2024 số tiền 250.000.000 đồng và Biên nhận nợ ngày 01/12/2024 số tiền 2.200.000.000 đồng; Không đồng ý trả số tiền 542.000.000 đồng theo Biên nhận cùng ngày 01/12/2024 vì đây là tiền lãi của các lần vay trước và có cung cấp Bảng liệt kê tính lãi kèm theo, phù hợp với nội dung Biên nhận nợ ngày 01/12/2024 "*ông K, bà C hiện còn đang nợ ông H số tiền lãi 542.000.000 đồng*". Do đó cấp sơ thẩm xác định số tiền 542.000.000 đồng trên là tiền lãi nên không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu ông K, bà C trả số tiền 542.000.000 đồng này, mà tính lãi các khoản vay trên theo quy định của pháp luật để buộc bên bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn là có căn cứ.

[3.3] Từ những phân tích trên, bị đơn ông K, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông H nên án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định vợ chồng ông K, bà C có vay của ông H hai lần với tổng số tiền 2.450.000.000 đồng (gồm 250.000.000 đồng vay ngày 25/4/2024 và 2.200.000.000 đồng vay ngày 01/12/2024). Nên ông K, bà C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền vay 2.450.000.000 đồng và tiền lãi là đúng quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất:

[4.1] Biên nhận nợ ngày 25/4/2024 có nội dung: "*ông K, bà C vay ông H số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 15 triệu/tháng, hẹn 04 tháng sau sẽ hoàn trả*"; Biên nhận nợ ngày 01/12/2024 có nội dung: "*ông K, bà C vay ông H số tiền 2.200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng*". Ông K cho rằng có trả lãi đối với số tiền vay 250.000.000 đồng cho ông H nhiều lần và đối với số tiền 2.200.000.000 đồng ông K cho rằng chỉ có vay của ông H số tiền 1.800.000.000 đồng và gọp chung 400.000.000 đồng tiền lãi thành số tiền 2.200.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được ông H thừa nhận nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét.

[4.2] Xét thấy, các bên đương sự có thoả thuận với nhau về lãi suất và lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên cấp sơ thẩm tính lại tiền lãi của các lần vay là đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Số tiền lãi của lần vay ngày 25/4/2024, số tiền 250.000.000 đồng như sau: Từ ngày 25/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 là 17 tháng x 4.150.000 đồng/tháng (250.000.000 đồng x 1,66%/tháng) thành tiền là 70.550.000 đồng.

- Số tiền lãi của lần vay ngày 01/12/2024, số tiền 2.200.000.000 đồng như sau: Từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 là 9 tháng x

36.520.000 đồng/tháng (2.200.000.000 đồng x 1,66%/tháng) thành tiền là 328.680.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi của hai lần vay là 399.230.000 đồng (70.550.000 đồng + 328.680.000 đồng).

[5] Từ những nhận định như trên, cấp sơ thẩm buộc ông K, bà C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H vốn và lãi tổng cộng: 2.849.230.000 đồng (2.450.000.000 đồng + 399.230.000 đồng) là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Đối với yêu cầu trả số nợ tiền vốn và lãi phát sinh cho nguyên đơn sau 03 năm kể từ ngày 30/9/2025; Xét thấy, các đương sự khi giao kết hợp đồng không thể hiện việc thỏa thuận nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của bị đơn và tại phiên tòa các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về phương thức thanh toán, số tiền và thời gian thanh toán theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét chấp nhận, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Huỳnh Hữu K kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn Huỳnh Hữu K không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 301/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp.

- Căn cứ các Điều 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, , 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H yêu cầu buộc ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/6/2024.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H.

Buộc ông Huỳnh Hữu K, bà Lê Thị Huỳnh C liên đới trả số tiền 2.849.230.000 đồng (Hai tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) cho ông Lê Minh H. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Hữu K và bà Lê Thị Huỳnh C phải chịu 88.984.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Minh H phải chịu 14.588.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 56.129.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Lê Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0005626 ngày 25/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hảnh án dân sự Khu vực X -Đồng Tháp), nên hoàn lại cho ông Lê Minh H số tiền 41.540.500 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Hữu K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 0004768 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc Hải